TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 30-5-2019.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bình.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và ông Nguyễn Ngọc Anh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 496/2018/TLST-HNGĐ ngày 28/12/2018, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy D, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số nhà 162, hương lộ 7, ấp 5, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phan Minh T, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà 1307, ấp 6 -7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D vắng mặt nhưng có đơn xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Huỳnh Thị Thùy D trình bày:

Chị và anh Phan Minh T về chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai ngày 11/7/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018. Hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, còn sử dụng ma túy rồi về lấy hết tài sản của vợ chồng đem đi bán, anh T còn thỉnh thoảng đánh đập chị. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng chị ngày càng trầm trọng nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ ngày 24/10/2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân từ đó. Từ khi sống ly thân vợ chồng không tìm gặp nhau đoàn tụ vì mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau mà mệnh ai người đó sống.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị

ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Minh T.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Thị Thùy D có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Minh T, sinh năm 1997, địa chỉ hiện nay: Số nhà 1307, ấp 6 -7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Phan Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và không có yêu cầu phản tố, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thùy D và anh Phan Minh T tự nguyện yêu thương chung sống, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai ngày 11/7/2018 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 20/2018 theo đúng quy định tại các điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thùy D xét thấy:

Trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến việc chị D làm đơn khởi kiện ly hôn. Theo kết quả xác minh ngày 28/3/2019 tại địa phương thì trong quá trình chung sống anh T và chị D

phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, đời sống hôn nhân giữa anh chị không hạnh phúc, đồng thời anh chị đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

HĐXX nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D, anh T là có thật, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, đặc biệt từ khi sống ly thân vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh T là có cơ sở để chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] ***Về án phí sơ thẩm***: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 8, 9, 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thùy Dương về việc "Ly hôn".

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Thùy D được ly hôn với anh Phan Minh T.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội

đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Thùy Dg phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0001540 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bình